

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

Bản án số: 03/2018/ DS-ST

Ngày: 08/01/2018

V/v tranh chấp “*Hợp đồng góp hụi*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Văn Tính;

2/ Ông Trần Thanh Phong.

- Thư ký phiên Tòa: Ông Trần Minh Quyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến tre.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Kim Ngân – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án đã thụ lý số: 172/2017/TLST–DS ngày 26 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp “*Hợp đồng góp hụi*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 219/2018/QĐXX- DS ngày 22 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Trần Thị Kim L**, sinh năm: 1966 (Có mặt)

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn B, huyện BĐ, tỉnh BT.

Bị đơn: **Lý Ngọc O**, sinh năm: 1975 (Vắng mặt).

Bà O có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 15/12/2017.

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn B, huyện BĐ, tỉnh BT.

Mai Trung H, sinh năm 1975 (Vắng mặt).

Ông H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 24/11/2017.

Địa chỉ: ấp 4, xã B, huyện BĐ, tỉnh BT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 14/9/2017; đơn khởi kiện bổ sung ngày 16/11/2017, bản tự khai và những lời trình bày tiếp theo cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Trần Thị Kim L trình bày như sau:*

Vào năm 2010 bà có làm chủ hội nhiều dây hội, Bà O có tham gia của bà rất nhiều phần hội của nhiều dây khác nhau, Bà O đã hốt hội và còn nợ hội chết của bà. Sau đó Bà O có đóng hội chết cho bà nhưng sau khi ly hôn với Ông H Bà O không đóng hội chết cho bà nữa, vào năm 2016 hai bên có kết nợ lại là Bà O còn nợ bà số tiền 53.200.000đ (Năm mươi ba triệu hai trăm ngàn đồng), ngoài ra Bà O không còn nợ bà số tiền nào khác nữa, nay bà yêu cầu 1 mình Bà O trả cho bà số tiền này mà không yêu cầu Ông H cùng liên đới trả, bà không yêu cầu Bà O trả lãi suất.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/11/2017 và những lời khai tiếp theo bị đơn bà Lý Ngọc O trình bày:*

Bà có tham gia dây hội ngày 05/5/2010 do bà L làm chủ, hội 4.000.000đ (Bốn triệu đồng), hội khui ngày 15 âm lịch hàng tháng, dây hội này bà đã hốt và còn nợ bà L số tiền 53.200.000đ (Năm mươi ba triệu hai trăm ngàn đồng). Bà và Ông H chung sống với nhau vào năm 1997 đến năm 2016 thì ly hôn, tiền hội này bà chơi trong thời kỳ hôn nhân, Ông H có biết số tiền nợ hội này, bà hốt hội nhằm lo cho nhu cầu cuộc sống trong gia đình nên yêu cầu Ông H cùng bà trả số tiền này cho bà L.

** Tại bản tự khai ngày 24/11/2017 bị đơn ông Mai Trung H trình bày:*

Theo đơn khởi kiện của bà L khởi kiện Bà O số tiền 53.200.000đ (Năm mươi ba triệu hai trăm ngàn đồng) trong dây hội khui ngày 05/5/2010 thì ông không biết việc chơi hội của Bà O và bà L.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:*

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán xác định đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng góp hội” là đúng quan hệ tranh chấp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý Thẩm phán thực hiện đúng quy định của pháp luật, đối với Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa, các đương sự trong vụ án tuân theo đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005, điều 357 Bộ luật dân sự 2015, Nghị định 144/2006/ NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hội, họ, biểu, phường.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L đối với Bà O, buộc Bà O phải trả cho bà L số tiền nợ hội là 53.200.000đ, ghi nhận bà L không yêu cầu tính lãi số tiền trên.

Đình chỉ yêu cầu của bà L đối với Ông H về việc buộc Ông H liên đới cùng Bà O trả số tiền trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Vào ngày 24/11/2017, 15/12/2017 Bà O và Ông H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt Bà O, Ông H là phù hợp với các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ tranh chấp:* Bà L khởi kiện yêu cầu Bà O trả tiền nợ hội nên xác định quan hệ tranh chấp giữa bà L và Bà O là tranh chấp “Hội” được quy định tại Điều 479 Bộ luật dân sự.

[3] *Về thẩm quyền giải quyết:* Bà O, Ông H hiện đang sinh sống tại huyện BD nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại theo quy định tại các Điều 26; 35; 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[4] *Về nội dung vụ án:*

Vào năm 2010 bà L có làm chủ hội nhiều dây hội, Bà O tham gia các dây hội do bà L làm chủ, sau khi hốt hội xong Bà O không đóng tiền hội chết cho bà L nên vào năm 2016 hai bên kết nợ lại Bà O còn nợ bà L số tiền là 53.200.000đ (Năm mươi ba triệu hai trăm ngàn đồng).

Bà L khởi kiện yêu cầu Bà O, Ông H là chồng Bà O cùng liên đới trả cho bà số tiền 53.200.000đ (Năm mươi ba triệu hai trăm ngàn đồng), Bà O đồng ý còn nợ bà L số tiền hội như trên nhưng Ông H không đồng ý vì cho rằng ông không biết gì về số nợ này. Trong quá trình giải quyết vụ án, vào ngày 22/12/2017 bà L rút yêu cầu khởi kiện đối với Ông H, không yêu cầu Ông H cùng Bà O liên đới trả số tiền 53.200.000đ (Năm mươi ba triệu hai trăm ngàn đồng) mà chỉ yêu cầu một mình Bà O trả số tiền này.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà L:

Tại biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải ngày 16/11/2017 Bà O thừa nhận có nợ tiền hội của bà L là 53.200.000đ (Năm mươi ba triệu hai trăm ngàn đồng). Hội đồng xét xử xét thấy sự thừa nhận của Bà O là tình tiết mà bà L không cần phải chứng minh

theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó xác định Bà O còn nợ tiền hui của bà L là 53.200.000đ (Năm mươi ba triệu hai trăm ngàn đồng) là có thật.

Bà O yêu cầu Ông H cùng bà L đối trả cho bà L số tiền 53.200.000đ (Năm mươi ba triệu hai trăm ngàn đồng), vì bà cho rằng việc chơi hui của bà và bà L là trong thời kỳ hôn nhân của bà và Ông H, mục đích chơi hui của bà là để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy, tại bản tự khai ngày 24/11/2017 Ông H cho rằng không biết gì về việc chơi hui của Bà O và bà L, bên cạnh đó tại quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 204/2016/ QĐST-HNGĐ ngày 23/8/2016 giữa Bà O và Ông H thì về nợ chung Bà O và Ông H đều không trình bày có nợ bà L tiền hui là 53.200.000đ (Năm mươi ba triệu hai trăm ngàn đồng), do đó lời trình bày của Bà O về việc tiền nợ hui của bà L là nợ chung của bà và Ông H là không có căn cứ nên không thể buộc Ông H cùng Bà O liên đới trả số tiền hui này cho bà L được.

Bà O là hui viên, tham gia chơi hui, hót hui và đã được chủ hui giao tiền hui đầy đủ nhưng không đóng tiền hui chết khi đến kỳ đóng hui là đã vi phạm nghĩa vụ của hui viên được quy định tại Điều 20 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hui, biêu, phường nên Bà O phải chịu trách nhiệm trả cho bà L số tiền 53.200.000đ. Do yêu cầu khởi kiện của bà L là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận, bà L không yêu cầu Bà O trả lãi suất của số tiền 53.200.000đ nên Hội đồng xét xử ghi nhận không xét đến.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà L rút yêu cầu khởi kiện đối với Ông H nên đình chỉ yêu cầu của bà L đối với Ông H là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến của kiểm sát viên:

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Do yêu cầu khởi kiện của bà L được xem xét chấp nhận toàn bộ nên hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà L là phù hợp quy định tại Điều 144 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà O có trách nhiệm trả tiền nợ hui cho bà L nên phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Cụ thể: $53.200.000đ \times 5\% = 2.660.000đ$ (Hai triệu sáu trăm sáu mươi ngàn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005; Các Điều 17; 20; 25; 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hui, biêu, phường; các Điều 357; 468 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 26; 35; 39; 92; 144; 147; 227; 228; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Điều 26 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim L đối với bà Lý Ngọc O.

2/ Buộc bà Lý Ngọc O phải trả cho bà Trần Thị Kim L số tiền nợ hui là 53.200.000đ (Năm mươi ba triệu hai trăm ngàn đồng). Ghi nhận bà L không yêu cầu Bà O trả lãi suất của số tiền này.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hành tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3/ Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim L đối với ông Mai Trung H về việc yêu cầu Ông H liên đới cùng Bà O trả số tiền nợ hui là 53.200.000đ (Năm mươi ba triệu hai trăm ngàn đồng).

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Hoàn trả cho bà Trần Thị Kim L số tiền tạm ứng án phí là 1.330.000đ (Một triệu ba trăm ba mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí 0006030 ngày 26/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại.

Bà Lý Ngọc O phải nộp tiền án phí là 2.660.000đ (Hai triệu sáu trăm sáu mươi ngàn đồng).

5/ Bà Trần Thị Kim L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Lý Ngọc O, ông Mai Trung H được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh (Phòng KTNV & THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Diễm Châu